

NGHỊ QUYẾT

**Quy định nội dung chi và mức chi thực hiện các cuộc điều tra
thống kê trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được
sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thống kê số 89/2015/QH13;

*Căn cứ Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí
thực hiện các cuộc điều tra, tổng điều tra thống kê quốc gia được sửa đổi, bổ sung
bởi Thông tư số 37/2022/TT-BTC;*

*Xét Tờ trình số 29/TTr-UBND ngày 24 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân
dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định nội dung chi và mức chi thực hiện các cuộc
điều tra thống kê trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Báo cáo thẩm tra số 29/BC-BKTNS
ngày 06 tháng 4 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý
kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;*

*Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định nội dung chi và mức chi thực
hiện các cuộc điều tra thống kê trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nội dung chi và mức chi các cuộc điều tra thống kê do
Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định trên địa bàn tỉnh Đồng Nai theo quy định tại
Điều 4 Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ
Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các
cuộc điều tra thống kê, tổng điều tra thống kê quốc gia.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan đến các cuộc điều tra thống kê.

Điều 2. Nội dung chi và mức chi

1. Chi hỗ trợ cơ quan chủ trì tổ chức điều tra thống kê xây dựng phương án điều
tra thống kê, lập mẫu phiếu điều tra thống kê và tổng hợp, phân tích, đánh giá kết quả
điều tra thống kê theo phương thức khoán. Mức khoán (đã bao gồm chi hội nghị, họp
Hội đồng thẩm định, nghiệm thu, chi thuê chuyên gia chọn mẫu điều tra thống kê và

các khoản chi khác liên quan trực tiếp đến phương án điều tra thống kê, lập mẫu phiếu điều tra thống kê và tổng hợp, phân tích, đánh giá kết quả điều tra thống kê), như sau:

a) Chi xây dựng phương án điều tra thống kê và lập mẫu phiếu điều tra thống kê:

- Đối với cuộc điều tra từ 30 chỉ tiêu trở xuống: Mức chi 18 triệu đồng;
- Đối với cuộc điều tra trên 30 chỉ tiêu đến 40 chỉ tiêu: Mức chi 24 triệu đồng;
- Đối với cuộc điều tra trên 40 chỉ tiêu: Mức chi 30 triệu đồng.

b) Chi tổng hợp, phân tích, đánh giá kết quả điều tra thống kê:

- Đối với cuộc điều tra từ 30 chỉ tiêu trở xuống: Mức chi 6 triệu đồng;
- Đối với cuộc điều tra trên 30 chỉ tiêu đến 40 chỉ tiêu: Mức chi 8 triệu đồng;
- Đối với cuộc điều tra trên 40 chỉ tiêu: Mức chi 10 triệu đồng.

2. Chi tiền công

a) Tiền công thuê ngoài:

- Các nội dung chi thuê ngoài: Rà soát, lập danh sách đối tượng được điều tra thống kê (chỉ thực hiện trong trường hợp cần thiết phải thuê ngoài đối với cuộc điều tra thống kê được tiến hành điều tra thống kê lần đầu hoặc các cuộc điều tra thống kê có thay đổi về đối tượng được điều tra thống kê theo quy định của phương án điều tra thống kê), thu thập số liệu điều tra thống kê, phúc tra phiếu điều tra thống kê, phiên dịch tiếng dân tộc kiêm dẫn đường, thuê người dẫn đường không phải phiên dịch.

- Về mức chi: Mức tiền công bình quân thuê ngoài để thực hiện các công việc nêu trên được tính theo mức tiền lương tối thiểu vùng cao nhất tính theo ngày do Nhà nước quy định tại thời điểm tiến hành điều tra thống kê. Trong phạm vi dự toán được giao, tùy vào địa bàn cụ thể, cơ quan chủ trì điều tra thống kê quyết định mức thanh toán tiền công thực hiện các công việc nêu trên cho phù hợp.

Riêng đối với tiền công của người dẫn đường không phải phiên dịch, mức chi bằng 70% mức tiền công thuê người phiên dịch kiêm dẫn đường.

b) Trường hợp cuộc điều tra thống kê có nội dung điều tra chuyên sâu, phức tạp, không sử dụng điều tra viên thống kê thuê ngoài mà sử dụng công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị để thực hiện điều tra thống kê thì được thanh toán bằng 50% mức tiền công thuê điều tra viên thống kê quy định tại điểm a khoản này.

Đối với trường hợp công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị thực hiện điều tra thống kê ngoài giờ hành chính thì được thanh toán bằng mức tiền công thuê điều tra viên thống kê quy định tại Điểm này và không được thanh toán tiền lương làm ngoài giờ, phụ cấp công tác phí.

c) Căn cứ phương án điều tra thống kê được phê duyệt, Thủ trưởng cơ quan chủ trì tổ chức điều tra thống kê thực hiện khoán tiền công điều tra thống kê quy định tại điểm a và điểm b khoản này theo số phiếu điều tra thống kê phù hợp với địa bàn điều tra thống kê. Việc thanh toán tiền cho điều tra viên thống kê căn cứ biên bản nghiệm thu số lượng, chất lượng phiếu điều tra thống kê và số tiền công theo phiếu điều tra thống kê.

3. Chi cho đối tượng cung cấp thông tin, mức chi cụ thể như sau:

a) Đối với cá nhân:

- Từ 30 chỉ tiêu trở xuống: Mức chi 40.000 đồng/phiếu;
- Trên 30 chỉ tiêu đến 40 chỉ tiêu: Mức chi 50.000 đồng/phiếu;
- Trên 40 chỉ tiêu: Mức chi 60.000 đồng/phiếu.

b) Đối với tổ chức (không bao gồm các cơ quan, đơn vị của nhà nước thực hiện cung cấp thông tin theo quy định):

- Từ 30 chỉ tiêu trở xuống: Mức chi 85.000 đồng/phiếu;
- Trên 30 chỉ tiêu đến 40 chỉ tiêu: Mức chi 100.000 đồng/phiếu;
- Trên 40 chỉ tiêu: Mức chi 115.000 đồng/phiếu.

c) Trường hợp đối tượng cung cấp thông tin là các cơ quan, đơn vị của Nhà nước mức chi hỗ trợ cung cấp thông tin bằng 50% mức chi đối với tổ chức quy định tại điểm b khoản này.

4. Các nội dung chi liên quan đến các cuộc điều tra thống kê do ngân sách địa phương bảo đảm không quy định tại các khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này thực hiện theo Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê Quốc gia được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 37/2022/TT-BTC.

5. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ chủ trì tổ chức điều tra thống kê căn cứ quyết định điều tra thống kê, phương án điều tra thống kê được cấp có thẩm quyền phê duyệt xây dựng dự toán kinh phí gửi cơ quan tài chính cùng cấp tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền theo quy định.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Ngân sách tỉnh bảo đảm kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định và bố trí trong dự toán chi ngân sách của các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ chủ trì tổ chức điều tra thống kê.

2. Nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo quy định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên giám sát và vận động Nhân dân cùng tham gia thực hiện, giám sát Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng và kiến nghị của Nhân dân đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 21 tháng 4 năm 2026.

2. Nghị quyết này thay thế các Nghị quyết sau:

a) Nghị quyết số 147/2018/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định nội dung chi và mức chi thực hiện các cuộc điều tra thống kê trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

b) Nghị quyết số 28/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước quy định nội dung, mức chi các cuộc điều tra thống kê trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai khóa XI, Kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 10 tháng 4 năm 2026. /

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ pháp chế các Bộ: Tài chính, Nội vụ;
- Cục kiểm tra văn bản và TCTHPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- VKSND, TAND, THADS tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đảng ủy, Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN các xã, phường;
- Báo và Phát thanh, truyền hình Đồng Nai (đưa tin và đăng tải trên cổng thông tin điện tử);
- Công báo điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, Phòng CTHĐND.

CHỦ TỊCH



Tôn Ngọc Hạnh